ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KHOA LUẬT

NGUYỄN NHẬT THĂNG

XÃ HỘI DÂN SỰ TRONG ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

Chuyên ngành **: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật**

Mã số **: 60 38 01**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2011

Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS Nguyễn Đăng Dung**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2011.

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

		Trang
	Trang phụ bìa	
	Lời cam đoan	
	Mục lục	
	Danh mục các sơ đồ	
	MỞ ĐẦU	1
	***Chương 1*: XÃ HỘI DÂN SỰ TRONG LỊCH SỬ CỦA NHÂN LOẠI**	4
1.1.	Xã hội dân sự - Lịch sử vấn đề	4
1.1.1.	Thuật ngữ xã hội dân sự	4
1.2.	Xã hội dân sự của một số quốc gia trên thế giới	13
1.2.1.	Xã hội dân sự ở Thái Lan	13
1.2.1.1.	Quan điểm khoa học của Thái Lan về xã hội dân sự	15
1.2.1.2.	Quan điểm của Nhà nước Thái Lan về xã hội dân sự	15
1.2.2.	Xã hội dân sự ở Trung Quốc	17
	***Chương 2*: XÃ HỘI DÂN SỰ TRONG LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**	23
2.1.	Xã hội dân sự Việt Nam	23
2.1.1.	Khái quát chung về xã hội dân sự Việt Nam	23
2.1.2.	Sự hình thành và phát triển xã hội dân sự Việt Nam, những đặc trưng cơ bản của nó	26
2.1.2.1.	Sự phục hồi và phát triển của xã hội dân sự Việt Nam	26
2.1.2.2.	Thiết lập khung pháp lý cho các tổ chức phi chính phủ Việt Nam và các nhóm phi chính thức	32
2.1.2.3.	Sự hiện diện của Tổ chức phi chính phủ quốc tế ở Việt Nam	33
2.1.3.	Xã hội dân sự Việt Nam ngày nay	35
2.1.3.1.	Những đặc trưng cơ bản của xã hội dân sự Việt Nam	37
2.1.3.2.	Xu hướng phát triển xã hội dân sự Việt Nam trong thời gian tới	42
2.2.	Xã hội dân sự Việt Nam trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	45
2.2.1.	Sự phát triển khung pháp lý của xã hội dân sự Việt Nam trước năm 1992	45
2.2.2.	Khái quát về khung pháp lý xã hội dân sự Việt Nam từ năm 1992 trở lại đây	47
2.2.3.	Xã hội dân sự Việt Nam trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	56
2.2.3.1.	Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	56
2.2.3.2.	Xã hội dân sự trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	60
	***Chương 3*: NHU CẦU VÀ KIẾN NGHỊ VỀ VIỆC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI DÂN SỰ TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY**	68
3.1.	Nhu cầu về xã hội dân sự trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay	68
3.2.	Kiến nghị và đề xuất điều chỉnh khung pháp lý về xã hội dân sự trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam	74
	KẾT LUẬN	78
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	83

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Năm 2001, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua bản sửa đổi Hiến pháp năm 1992, theo đó khẳng định: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức".

Kể từ đó đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã và đang quyết tâm xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Nhà nước, nền kinh tế thị trường và xã hội dân sự là ba trụ cột không thể thiếu được ở mỗi xã hội. Về đại thể, nhà nước và nền kinh tế thị trường ở nước ta đã phát triển ngày càng đầy đủ và toàn diện, và cũng đã được nghiên cứu khá sâu sắc thấu đáo. Riêng phần xã hội dân sự, một trụ cột khá quan trọng trong cái kiềng kết cấu của một xã hội Việt Nam cho đến nay vẫn còn những khía cạnh dường như chưa được hình thành, nghiên cứu thật đầy đủ và rõ nét. Sự phong phú và tính đa dạng của nó vẫn chưa được tìm hiểu một cách cặn kẽ, nhất là trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền như nước ta.

Một nhà nước hiện đại phải là pháp quyền và nhà nước đó phải chấp nhận nền kinh tế thị trường và phù hợp với xã hội dân sự. Xã hội dân sự là một tập thể xã hội liên kết với nhau, điều chỉnh trên nguyên tắc dân sự, tự nguyện thỏa thuận. Xã hội dân sự trường tồn trước khi có nhà nước.

Một nhà nước pháp quyền phải được xây dựng trên nền tảng và phù hợp với xã hội dân sự của quốc gia đó, xây dựng nhà nước pháp quyền là mục tiêu là động lực để chúng ta hướng tới và quan trọng đó là một nhà nước pháp quyền của Việt Nam phù hợp với xã hội dân sự của Việt Nam.

Mong muốn được nghiên cứu một cách hệ thống về Nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự là nhằm hoàn thiện cơ sở lý luận cho việc xây dựng một nhà nước pháp quyền của một xã hội dân sự ở Việt Nam. Do vậy, tác giả đã lựa chọn đề tài "Xã hội dân sự trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền" làm luận văn tốt nghiệp Chương trình đào tạo Thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài tại Việt Nam

Hiện nay ở nước ta, có rất nhiều bài viết, sách, báo và tạp chí về nhà nước pháp quyền, và có một số bài báo đề cập đến khái niệm và một số khía cạnh của xã hội dân sự như *Nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự* của Giáo sư Tương Lai, *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong quan hệ với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xã hội dân sự* của PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh. Tuy vậy, chưa có một công trình nghiên cứu nào nghiên cứu một cách sâu sắc, hệ thống và đầy đủ về vấn đề Xã hội dân sự trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền, phương hướng xây dựng và phát triển nhà nước pháp quyền gắn bó với xã hội dân sự ở Việt Nam. Trong nỗ lực xây dựng một nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay, việc nghiên cứu đầy đủ và có hệ thống về nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự sẽ đóng góp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

Đề tài sẽ tập trung nghiên cứu các vấn đề pháp lý cũng như cơ sở lý luận của nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự của thế giới và Việt Nam. Trong nội dung trình bày, tác giả sẽ đưa ra những ý kiến, đánh giá lý luận thực tiễn và xu hướng phát triển xã hội

dân sự Việt Nam và đề xuất những phương hướng xây dựng nhà nước pháp quyền trong sự gắn bó với xã hội dân sự.

4. Phạm vi nghiên cứu của luận văn

Phạm vi nghiên cứu của luận văn chỉ tập trung vào phân tích nội dung một số quy định chính của pháp luật Việt Nam điều chỉnh việc thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý tổ chức xã hội dân sự để đề xuất và kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện pháp luật tạo điều kiện cho một xã hội dân sự phát triển phù hợp và gắn bó với công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

5. Phương pháp nghiên cứu của luận văn

Tác giả sẽ sử dụng phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng, và phân tích, so sánh các tài liệu về lý luận và thực tiễn quốc tế và Việt Nam về nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự để từ đó rút ra những cơ sở lý luận và thực tiễn cho phương hướng phát triển xã hội dân sự trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Xã hội dân sự trong lịch sử của nhân loại.

Chương 2: Xã hội dân sự trong lịch sử nhà nước Việt Nam.

Chương 3: Nhu cầu và kiến nghị về việc xây dựng và phát triển xã hội dân sự trong điều kiện hiện nay.

Chương 1
XÃ HỘI DÂN SỰ TRONG LỊCH SỬ CỦA NHÂN LOẠI

1.1. Xã hội dân sự - Lịch sử vấn đề

1.1.1. Thuật ngữ xã hội dân sự

Một cách nhìn tổng quát xã hội dân sự là khu vực hình thành tự phát từ những nhóm, cộng đồng người có chung lợi ích nhu cầu, sở thích, giới tính, chính kiến, nghề nghiệp,… Do đó, xã hội dân sự có lịch sử từ xa xưa khi con người biết tụ tập kết nối kiểu phường, hội, nguồn gốc, khởi thủy của xã hội dân sự có nhiều ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng từ thời nô lệ, từ khi có nhà nước là đã có sự hình thành nhóm đối tác hoặc đối trọng dù là tự phát manh mún, cũng có ý kiến cho rằng xã hội dân sự chỉ hình thành từ thời kỳ phong kiến, liên gia phường hội buôn bán hoặc giao lưu văn hóa hội hè.

Xã hội dân sự được hiểu ban đầu là đồng nhất với xã hội công dân. Vì từ nguồn gốc tiếng Pháp là société civile, tiếng Nga là Grazdanskoe obchtsestvo, tiếng Anh là civil society, do đó cũng có nhiều cách hiểu khác nhau. Trong quá trình dịch chuyển ngôn ngữ, có người dùng là xã hội dân sự, có người hiểu là xã hội công dân.

Khái niệm xã hội công dân thường được hiểu là một chính thể, quốc gia được hình thành từ nhiều loại công dân: thường dân, chính dân, thứ dân, giáo dân, lương dân hoặc dị dân, kiều dân, v.v… Khái niệm xã hội dân sự được hiểu một cách khác là để phân biệt với xã hội thần dân (Civil people). Như vậy, xã hội dân sự nghiêng về cấu trúc (structure) kết cấu trong hệ thống xã hội, còn xã hội dân sự thì được hiểu thêm cả chức năng (function) và mối quan hệ trong hệ thống.

Xã hội dân sự ở đây được hiểu là một mảng của đời sống xã hội có tổ chức, mang tính tự nguyện, tự tái tạo, (hầu như) tự tài trợ, độc lập với nhà nước, và gắn bó với

nhau bằng một trật tự pháp lý hay một số nguyên tắc chung. xã hội dân sự là một xã hội mà ở đó người dân biết tự lo lấy cho mình rất nhiều chuyện, biết tự tổ chức lại để phát huy năng lực sáng tạo, hiện thực hóa các ý tưởng và để tương tác với nhà nước nhằm đạt tới một nền quản trị quốc gia minh bạch, hiệu quả và có trách nhiệm.

K. Marx, trong các tác phẩm đầu tay, đặc biệt trong *Hệ tư tưởng Đức* và *vấn đề Do Thái*, đã bàn nhiều về xã hội dân sự. Một mặt, kế thừa những luận điểm "hợp lý" của Hegel; mặt khác, ông phê phán Hegel một cách quyết liệt. Cũng như Hegel, ông từng coi xã hội dân sự là một hiện tượng lịch sử, là kết quả của sự phát triển lịch sử mà không phải là *"vật ban tặng"* của tự nhiên. Và cũng như Hegel, ông coi xã hội dân sự có tính chất tạm thời. Sự khác nhau cơ bản giữa Marx và Hegel là điểm xuất phát khi phân tích về bản chất của xã hội dân sự và nhà nước, về những quan hệ giữa xã hội dân sự với nhà nước. Trong tác phẩm *Phê phán triết học chính trị của Hegel* (1843), Marx trực tiếp chống lại những ý kiến của Hegel về xã hội dân sự và nhà nước. Một mặt, ông chống lại sự tuyệt đối hóa nhà nước của Hegel; mặt khác ông phê phán cơ sở chủ yếu của xã hội dân sự là chế độ sở hữu tư nhân.

Cho đến nay, có nhiều định nghĩa về xã hội dân sự được các nhà khoa học, viện nghiên cứu, Trung tâm xã hội công dân đưa ra, và trên cơ sở nghiên cứu các định nghĩa trên chúng tôi thấy rằng *xã hội dân sự bao gồm mọi nhóm và mọi hoạt động không bị "ràng buộc" bởi chính quyền: tổ chức chính trị, các hội kinh doanh, các tổ chức tôn giáo, hiệp hội truyền thông, tổ chức từ thiện, công dân v.v.. Tất cả các tổ chức và các chủ thể này đều góp phần giúp phát triển* ***đặc tính đa nguyên của xã hội*** *và ảnh hưởng đến quan hệ của xã hội và chính quyền. Xã hội dân sự như là một bổ khuyết cho "dân chủ đại diện" thông qua cơ chế "dân chủ tham gia"*.

1.2. Xã hội dân sự của một số quốc gia trên thế giới

Do không có điều kiện tiếp cận và đi thực tế tại nhiều quốc gia trên thế giới, tác giả lựa chọn hai trong một số quốc gia láng giềng với Việt Nam là Thái Lan và Trung Quốc để mong muốn tìm hiểu đôi nét về xã hội dân sự ở hai quốc gia này.

Tác giả nghiên cứu và phân tích dựa trên: (1) các bài viết, tài liệu của các nhà nghiên cứu Việt Nam, tài liệu của Viện nghiên cứu khoa học xã hội Việt Nam – Viện nghiên cứu Đông Nam Á, (2) sách, bài viết về bối cảnh lịch sử - văn hóa, chính trị, kinh tế - xã hội của Thái Lan và Trung Quốc và (3) báo cáo đánh giá xã hội dân sự ở Trung Quốc do CIVICUS lập năm 2005 …

1.2.1. Xã hội dân sự ở Thái Lan

Cũng như các xã hội nông nghiệp truyền thống, trong lòng xã hội Thái từ xa xưa đã tồn tại sự cố kết và những mối liên hệ chặt chẽ theo chiều ngang ở cấp độ vi mô, làng bản, còn gọi là các thể chế không có kết cấu. Người dân cư xử và hợp tác trên cơ sở quan hệ thân tộc và những nguyên tắc tương trợ lẫn nhau, bao gồm đổi công trong việc đồng áng như trồng cấy, gặt hái mùa màng, xây cất nhà cửa và chuẩn bị các nghi lễ, hội hè…nhà chùa đã trở thành trung tâm của đời sống xã hội và những giao dịch xã hội nói trên.

1.2.1.1. Quan điểm khoa học của Thái Lan về xã hội dân sự

Theo giáo sư Kasian Tejapira, vào đầu những năm 1980, thuật ngữ xã hội dân sự trong tiếng Anh bắt đầu được dịch sang tiếng Thái và đến năm 1990 thì được các lực lượng xã hội sử dụng rộng rãi. Còn theo Michael Nelsson, ban đầu các học giả sử dụng các thuật ngữ như NGO (tổ chức phi chính phủ) và "tầng lớp trung lưu" để nói đến xã hội dân sự.

1.2.1.2. Quan điểm của Nhà nước Thái Lan về xã hội dân sự

Hiến pháp đầu tiên của Thái Lan dưới chế độ quan chủ lập hiến năm 1932 và các Hiến pháp sau đó của Vương quốc này (1946, 1968, 1978, 1991, 1997, 2007) đều chứa đựng những cơ sở pháp lý căn bản cho sự phát triển của xã hội dân sự, cụ thể hơn, đó là các quyền tự do của công dân được quy định trên các lĩnh vực tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do lập hội, thành lập đảng phái.

Bên cạnh các Hiến pháp, các văn bản pháp lý khác được cụ thể hóa từ rất sớm, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xã hội dân sự ở Thái Lan.

1.2.2. Xã hội dân sự ở Trung Quốc

Nhìn tổng thể lịch sử hiện đại của Trung Quốc, quá trình phát triển của các tổ chức xã hội dân sự của Trung Quốc đã trải qua ba giai đoạn. Giai đoạn đầu bắt đầu từ năm 1911 đến năm 1949, giai đoạn 2 từ năm 1949 đến năm 1978 và giai đoạn 3 là từ năm 1978 đến hiện nay. Các loại hình tổ chức xã hội khác nhau có liên hệ chặt chẽ và được xếp vào sáu loại hình là: (1) các nghiệp đoàn phát triển thương mại, như là phường, hội; (2) các tổ chức từ thiện; (3) là các tổ chức nghiên cứu; (4) là các tổ chức chính trị như đoàn thanh niên; (5) là các tổ chức văn hóa và nghệ thuật; (6) là các tổ chức bí mật.

Chương 2
XÃ HỘI DÂN SỰ TRONG LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

2.1. Xã hội dân sự Việt Nam

2.1.1. Khái quát chung về xã hội dân sự Việt Nam

Ngay từ xa xưa tính cộng đồng, làng xã, tình làng nghĩa xóm, yêu thương đùm bọc lẫn nhau đã mang đặc trưng rõ nét của truyền thống giá trị văn hóa, niềm tin, tính cộng đồng, chia sẻ trách nhiệm vì các công việc chung. Đó là những giá trị cơ bản của "xã hội dân sự" đã tồn tại hàng nghìn năm ở nước ta.

Công cuộc *đổi mới* chính thức được thực hiện vào năm 1986 là mốc đánh dấu việc bắt đầu chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. Do vậy, nền kinh tế đã mở cửa cho cuộc cải cách khu vực hợp tác xã từ cuối thập kỷ 80, khuyến khích kinh tế hộ gia đình, mở cửa cho thành phần tư nhân, đầu tư nước ngoài, cải cách các tổ chức kinh tế và tài chính, và hợp tác với nước ngoài vào đầu thập kỷ 90.

Thập kỷ 90 đã chứng kiến sự bùng nổ của nền kinh tế Việt Nam cho dù xuất phát điểm từ mức rất thấp. Hiến pháp năm 1992 đã được thông qua mở đường cho công cuộc cải cách nhằm phát triển "nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Việt Nam đã đi theo con đường hội nhập với thế giới và nhấn mạnh đến các yếu tố thị trường, các luật lệ pháp lý, giảm nghèo và cải cách hệ thống hành chính.

2.1.2. Sự hình thành và phát triển xã hội dân sự Việt Nam, những đặc trưng cơ bản của nó

2.1.2.1. Sự phục hồi và phát triển của xã hội dân sự Việt Nam

Vào đầu thế kỷ 20, lịch sử Việt Nam đã chứng kiến nhiều phong trào quần chúng, và các tổ chức xã hội dân sự tham gia giải phóng dân tộc như sự thành lập của Hội Duy Tân (cuối tháng 4 năm 1904), các Hội khuyến học cũng ra đời nhằm giúp hội viên học hỏi, trau dồi kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa của nước Pháp bằng mọi phương tiện. Phong trào này là cơ sở để đưa tư duy cải cách văn hóa giáo dục và thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc cho Việt Nam.

Trước năm 1986, các tổ chức xã hội chủ yếu bao gồm các tổ chức quần chúng, được gọi là các tổ chức chính trị - xã hội như Công đoàn, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Đây là những tổ chức từng được thành lập ra vào những năm 1930, gắn bó mật thiết với Đảng và hoạt động dưới ngọn cờ Mặt trận tổ quốc.

2.1.2.2. Thiết lập khung pháp lý cho các tổ chức phi chính phủ Việt Nam và các nhóm phi chính thức

Từ giữa thập kỷ 90 đến nay, một số các nghị định, quy chế và luật đã được ban hành nhằm xây dựng văn bản pháp lý cho các nhóm không chính thức và nhà nước đã có những nỗ lực tiếp tục nhằm cải thiện khuôn khổ pháp lý cho các nhóm, mà đa số các nhóm xã hội.

Liên quan đến việc xây dựng Luật về hội, từ những năm 90 của thế kỷ trước, Quốc hội nước ta đã đặt vấn đề cần gấp rút xây dựng "Dự thảo Luật về hội", hiện nay dự thảo Luật về hội đang được Quốc hội bàn bạc để thông qua trong thời gian tới.

2.1.2.3. Sự hiện diện của Tổ chức phi chính phủ quốc tế ở Việt Nam

Các NGO quốc tế không được coi là một bộ phận của Xã hội dân sự tại Việt Nam, vì họ là các tổ chức quốc tế và chưa thành lập các tổ chức thành viên tại Việt Nam.

2.1.3. Xã hội dân sự Việt Nam ngày nay

Một thành ngữ thường được nhắc đến trong các ấn phẩm chính thức của Việt Nam là cụm từ *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh* toát lên một nghĩa khác của chữ "văn minh". Không nên lẫn lộn chữ này với Xã hội dân sự. Tuy nhiên, ý nghĩa này là một phần quan trọng của tư duy về phát triển ở Việt Nam, vượt ra ngoài nghĩa đen của câu khẩu hiệu đó. Văn minh được hiểu là quá trình phát triển của xã hội, không những chỉ phát triển kinh tế mà còn phát triển cả văn hoá cùng kiến thức về công nghệ nữa. Giáo dục càng tốt, đặc biệt là khả năng học thuật để tiếp cận và lĩnh hội kiến thức khoa học hiện đại càng tốt thì trình độ văn hoá người dân đạt được càng cao. Ý tưởng này về phát triển cũng là một phần của cách nghĩ về hoạt động từ thiện và phương thức thoát khỏi tình trạng đói nghèo. Những người dân nghèo, ốm đau, tàn tật và bị đẩy ra bên lề xã hội sẽ phát triển đến một trình độ văn minh cao hơn để cải thiện cuộc sống của họ cho tương đồng với những người dân đô thị ngày nay, những người có điều kiện tốt hơn trong tiếp cận giáo dục, kiến thức, y tế và các dịch vụ công ích khác trong cuộc sống. Tất cả những người dân bất hạnh cần được hưởng sự nhân từ và sự hỗ trợ tài chính của nhà nước cũng như các cá nhân làm từ thiện, bao gồm cả những dân tộc thiểu số, một trong những vấn đề khó giải quyết hiện nay ở Việt Nam. Tư duy về phát triển ở Việt Nam có phần trùng hợp với tư duy phát triển kinh tế của phương Tây nhưng lại mâu thuẫn với những quan điểm công bằng và nhạy cảm văn hoá cũng thấy ở những xã hội phương Tây. Và đặc biệt là khái niệm từ thiện nghĩa là tất cả mọi người đều tốt như nhau bất kể có được học hành hay không và họ cần phải có cơ hội được sống theo ý nguyện, phong tục tập quán và truyền thống của họ cũng như cải thiện mức sống theo các nhân tố này. Những ý tưởng khác biệt giữa khái niệm từ thiện ở phương Đông và phương Tây cũng có một số ý nghĩa nhất định đối với sự hiểu biết giữa các nền văn hoá khác nhau về Xã hội dân sự và Xã hội Văn minh.

Một đặc điểm quan trọng trong giai đoạn phát triển hiện nay ở Việt Nam là việc thực hiện thành công sự nghiệp tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo với sự hỗ trợ của các nhà tài trợ và các tổ chức quốc tế. Việt Nam đã đạt được thành tích khả quan trong việc giảm nghèo từ 58% dân số sống dưới mức nghèo khổ quốc tế năm 1992 giảm

xuống còn 29% vào năm 2002, 24% vào năm 2004 (UNDP 2005) và 9,45% trong năm 2010 (Bộ Lao động Thương binh và Xã hội 2010).

2.1.3.1. Những đặc trưng cơ bản của xã hội dân sự Việt Nam

Xã hội dân sự ở Việt Nam có những đặc điểm là: một Xã hội dân sự với nhiều Tổ chức ở tất cả các cấp và hoạt động trên hầu khắp đất nước. Các tổ chức xã hội dân sự có nhiều nỗ lực và thực hiện nhiều hoạt động tập trung vào giảm nghèo, hỗ trợ những người nghèo và người bất hạnh trong nhiều mặt, và thường rất quan tâm đến vấn đề giảm tác động của những sự kiện thiên tai, mất mát nghiêm trọng về người và của. Xã hội dân sự mang đặc điểm khá rõ nét về tinh thần và niềm tin.

Có sự hợp tác khá tích cực giữa Xã hội dân sự và Nhà nước, đặc biệt là đối với các Tổ chức quần chúng và các Hiệp hội nghề nghiệp nằm trong Mặt trận Tổ quốc. Trong khi đó, môi trường pháp lý đối với các tổ chức xã hội dân sự đã cơ bản được ban hành.

Nhà nước vẫn còn đóng vai trò chủ đạo trong việc lập những quyết sách và các tổ chức xã hội dân sự chỉ tác động vào quá trình đó thông qua hợp tác.

Chính các tổ chức xã hội dân sự cũng bộc lộ những điểm yếu do cơ cấu nhiều thành phần và do chưa có các cơ cấu nội bộ và các cơ quan bảo trợ thoả đáng. Các tổ chức xã hội dân sự cần phát huy tính tự chủ và năng động để tự tạo ra những điều kiện hợp lý nhằm có môi trường hoạt động hiệu quả trên cơ sở hệ thống pháp luật hiện nay.

Theo một báo cáo đánh giá về xã hội dân sự ở Việt Nam chỉ ra rằng, sự tác động của xã hội dân sự đối với nhà nước, người dân còn cần phải được cải thiện dần.

2.1.3.2. Xu hướng phát triển xã hội dân sự Việt Nam trong thời gian tới

Qua nghiên cứu hệ thống pháp lý và tình hình hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự ngày nay, tác giả nhận thấy rằng:

Trước hết, tác giả nhìn nhận một cách khái lược một số hạn chế của tổ chức xã hội như:

- Cấu trúc tổ chức của nhiều tổ chức xã hội còn chưa minh bạch theo các tiêu chuẩn quốc tế;
- Hoạt động dựa trên các quan hệ gia đình, niềm tin và tính trách nhiệm với xã hội còn hạn chế và việc dựa vào các trợ giúp của gia đình trong giai đoạn đầu của phát triển tổ chức xã hội dân sự trong giai đoạn đầu. Nhưng sau đó, các mô hình này chưa minh bạch và hiệu quả như mô hình các tổ chức tổ chức xã hội dân sự hiện đại;
- Một số các tổ chức xã hội dân sự hoạt động luôn phụ thuộc vào nhà tài trợ nước ngoài, cản trở việc theo đuổi các nguyên lý và tầm nhìn của tổ chức.
- Trong những năm qua, nhiều hội mới được thành lập, song hoạt động của hội chưa đáp ứng yêu cầu của nhân dân, nhiều hội còn ỷ lại Nhà nước, đề nghị Nhà nước hỗ trợ, chưa chủ động thực hiện phương hướng cũng như các chương trình hoạt động của hội đề ra.
- Hoạt động của hội còn thiếu tính bền vững. Một số hội có biểu hiện lợi dụng hoạt động hội kiếm lời. Một số hội chưa tìm được nội dung và phương thức hoạt động phù hợp do đó hoạt động không có hiệu quả.
- Công tác quản lý nhà nước về hội có lúc, có nơi còn lơi lỏng, chưa thực sự tạo điều kiện cho hội ra đời và định hướng hoạt động đúng pháp luật, hoặc can thiệp quá sâu về tổ chức hội, chưa tôn trọng tính tự chủ, tự quản của hội.
- Công tác phân công quản lý hội chưa cụ thể giữa các cơ quan dẫn đến chồng chéo, đùn đẩy nhau, khiến cho việc quản lý hội thiếu thống nhất, chặt chẽ.

2.3. Xã hội dân sự Việt Nam trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

2.3.1. Sự phát triển khung pháp lý của xã hội dân sự Việt Nam trước năm 1992

Hiến pháp đầu tiên năm 1946 và các Hiến pháp 1959, 1980 và 1992 đều thừa nhận: "Công dân Việt Nam có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền thông tin, có quyền hội họp, lập hội và biểu tình theo quy định của pháp luật". Nhà nước ban hành Luật số 102-SL/L-004 được ký bởi Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 5 năm 1957 về quy định quyền lập hội. Cho đến nay văn bản này vẫn còn hiệu lực thực hiện.

"***Điều 1:*** *Quyền lập hội của nhân dân được tôn trọng và bảo đảm. Lập hội phải có mục đích chính đáng, phù hợp với lợi ích nhân dân, có tác dụng đoàn kết nhân dân, để góp phần xây dựng chế độ dân chủ nhân dân của nước ta*".

Luật số 102-SL/L-004 đưa ra những quan điểm sâu sắc nhằm ngăn chặn những hành vi phá hoại từ việc tự do lập hội gây ra.

*"**Điều 8:** Người nào lợi dụng quyền lập hội để hoạt động nguy hại đến lợi ích nước nhà, lợi ích nhân dân như là chống pháp luật, chống lại chế độ, chống lại chính quyền dân chủ nhân dân, chia rẽ dân tộc, hại đến thuần phong mỹ tục, phá hoại sự nghiệp đấu tranh cho hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ của Tổ quốc, phá tình hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước, tuyên truyền chiến tranh, sẽ bị truy tố trước toà án và xử phạt theo luật pháp hiện hành, hội có thể bị giải tán và tài sản của hội có thể bị tịch thu"*.

Nghị quyết 8B-NQ Hội nghị Trung ương Đảng cộng sản khóa VI đã nêu rõ: "Trong giai đoạn mới cần thành lập các hội đáp ứng nhu cầu chính đáng về nghề nghiệp và đời sống nhân dân, hoạt động theo hướng ích nước lợi nhà, tương thân tương ái. Các tổ chức này được thành lập theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải về tài chính trong khuôn khổ pháp luật".

Từ năm 1975 đến 1986, hầu hết các tổ chức xã hội dân sự chính thức bị hành chính hóa, được bao cấp và kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước. Trong cơ chế này các tổ chức tổ chức xã hội dân sự hầu như mất đi vai trò năng động và tự chủ của mình trong việc huy động các nguồn lực cho xã hội, cũng như đại diện cho lợi ích của các thành phần trong xã hội.

Kể từ 1986, Nhà nước Việt Nam đã tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, chuyển từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế theo định hướng thị trường Việt Nam, đã trở thành một trong những nước có nền kinh tế năng động tăng trưởng cao nhất ở khu vực Đông Nam Á và châu Á.

2.3.2. Khái quát về khung pháp lý xã hội dân sự Việt Nam từ năm 1992 trở lại đây

Hiến pháp 1992 khẳng định quan điểm của Đảng và Nhà nước về việc xây dựng một nhà nước dân chủ, công bằng và tạo điều kiện cho nhân dân phát huy quyền làm chủ của mình trong mọi mặt của đời sống để đảm bảo cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Năm 2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 88/2003/NĐ-CP về quyền đăng ký và thành lập hội. Kể từ khi được ban hành và thực hiện đến nay văn bản này đóng góp tích cực vào quá trình phát triển và đóng góp tích cực của hội vào công cuộc cải cách hành chính và phát triển kinh tế của đất nước.

Chiến lược phát triển kinh tế và xã hội của Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2010, đã bắt đầu khuyến khích sự tham dự của người dân trong mọi mặt đời sống kinh tế chính trị và xã hội. Khẩu hiệu: "Dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra" đã dần

dần có tác động đến hệ thống kinh tế - chính trị - xã hội ở từng cấp độ khác nhau. Các cơ hội cho người dân thông qua các tổ chức xã hội dân sự, tham gia cung cấp dịch vụ công và phản biện chính sách dần dần được mở ra. Cụ thể là:

Nghị định 79 đã cho phép nâng cao trách nhiệm của chính quyền cơ sở, dưới sự giám sát của nhân dân chặt chẽ hơn trong các hoạt động của mình. Luật hợp tác xã đã thừa nhận hợp tác xã như một tổ chức tự nguyện hoạt động độc lập vì mục tiêu kinh tế xã hội, phục vụ trực tiếp cho lợi ích của xã viên. Nghị định 177, và gần đây là Nghị định 148 đã tạo điều kiện pháp lý ban đầu để hình thành nên các quỹ xã hội và nhân đạo. Nghị định 88 là cơ sở để thành lập các hội, thừa nhận vai trò và chức năng nhiệm vụ cũng như quyền lập hội.

Nhà nước bước đầu đã hỗ trợ kinh phí cho hội hoạt động có nhiệm vụ gắn với nhiệm vụ của Nhà nước (quyết định 21/2003/QĐ-TTg). Bên cạnh đó, Nhà nước cũng tạo điều kiện cho hội nhận tài trợ của các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài (Quyết định 64/2001/QĐ-TTg) và ban hành cơ chế tạo điều kiện cho hội tham gia tư vấn, phản biện, giám định xã hội (Quyết định 22/QĐ-TTg).

Về dịch vụ công, với xu hướng xã hội hóa ngày càng phát triển, nhà nước đang chuyển dần một số dịch vụ công do nhà nước đảm nhiệm cho công dân, tập thể công dân, tổ chức xã hội đảm nhiệm nhưng nhà nước thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra nhưng hoạt động này vì lợi ích xã hội, lợi ích cộng đồng hoặc vì lợi ích nhà nước.

2.3.3. Xã hội dân sự Việt Nam trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

2.3.3.1. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Xây dựng nhà nước pháp quyền là một tất yếu khách quan ở nước ta. Đường lối xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa đã được đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định "Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị, là công cung chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là nhà nước pháp quyền của dân do dân và vì dân".

Hiến pháp sửa đổi năm 2001 đã khẳng định Nhà nước Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Xét trên phương diện xã hội, nhà nước pháp quyền chính là sự thể hiện một xã hội được tổ chức thành nhà nước có sự phát triển lành mạnh của xã hội dân sự, nơi nhà nước thực sự là một tổ chức công quyền, mối quan hệ giữa nhà nước và cá nhân là mối quan hệ bình đẳng pháp lý và đồng trách nhiệm.

Bên cạnh đó, xét trên một phương diện và mức độ tham gia của nhân dân và công việc tổ chức và hoạt động của quần chúng thì đối với nhà nước pháp quyền thì vị trí và vai trò của tòa án và giá trị của con người nằm trong các bảo đảm an bình của một xã hội công dân.

Xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta trong giai đoạn đổi mới đất nước hiện nay là sự nghiệp xuất phát từ hàng loạt các yêu cầu khách quan của đất nước:

- Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;
- Thực hiện dân chủ hóa sâu sắc và toàn diện mọi mặt đời sống xã hội;
- Bảo đảm và bảo vệ quyền công dân;
- Chủ động tham gia vào quá trình hội nhập khu vực và quốc tế;
- Thực hiện công bằng xã hội, giải quyết tốt các vấn đề xã hội đặt ra và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Xây dựng nhà nước pháp quyền để củng cố, phát huy bản chất nhân dân của nhà nước ta, thiết lập những mối quan hệ đúng đắn giữa nhà nước và nhân dân. Xây dựng

nhà nước pháp quyền sẽ cho phép giải quyết một cách tốt nhất giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước pháp quyền là loại hình nhà nước có nhiều khả năng nhất trong việc chống lại xu hướng lạm quyền về quyền lực và xu hướng quan liêu hóa bộ máy quyền lực.

Chúng ta cũng thấy rằng nhà nước pháp quyền không thể có được ở một nhà nước chuyên chế, tập trung với mục đích là hạn chế nhân quyền. Nhà nước thì rất cần thiết cho nhân loại, nhưng những người nắm được quyền lực nhà nước cũng rất dễ đi đến chỗ lạm dụng quyền lực. Một nhà nước hoạt động có hiệu quả có thể đóng góp rất nhiều cho sự phát triển của xã hội của mỗi quốc gia. Nhưng chẳng có một đảm bảo rằng mọi hoạt động của nhà nước đều mang lại lợi ích cho con người và cho xã hội.

Nhà nước chỉ dựa vào pháp luật để quản lý xã hội thì chưa đủ bởi vì pháp luật phải được xây dựng dựa trên một nền tảng đạo đức và một tinh thần xã hội công dân, chính điều đó nói lên rằng, có nhiều khía cạnh, lĩnh vực của đời sống xã hội pháp luật chưa và không thể điều chỉnh hay quản lý bằng những quy quy định cụ thể bằng văn bản. Bởi vậy, nó luôn đòi hỏi và cần thiết đối với mỗi xã hội một hình thức tự liên kết, tự quản và tự ràng buộc lẫn nhau bằng những mục đích mà chính các thành viên trong đó tự thiết lập, thỏa thuận.

Nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự gắn với nhau như hình với bóng, chỉ có nhà nước pháp quyền mới có thể duy trì được xã hội dân sự, vì vấn đề cơ bản nhất của nhà nước pháp quyền là pháp quyền ở trên nhà nước.

Một trong các phương hướng cơ bản xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam là thực hiện dân chủ hóa đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội của đất nước và bảo đảm và bảo vệ quyền con người.

2.3.3.2. Xã hội dân sự trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Theo Báo cáo số 3628/BC-BNV của Bộ Nội vụ ngày 17 tháng 12 năm 2007 về tổng hợp tình hình thực hiện Nghị định số 88/2003/NĐ-CP, ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và phương hướng bổ sung, sửa đổi Nghị định, các tổ chức xã hội ở nước ta tham gia rất tích cực trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền. Cụ thể:

- Tích cực tham gia vào công việc cải cách hành chính của Chính phủ thông qua việc tích cực đóng góp cho việc xây dựng các văn bản pháp quy mở đường cho kinh tế phát triển, đơn giản hóa các thủ tục hành chính tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ra đời và phát triển.

- Tích cực tham gia trong việc xây dựng cơ chế chính sách.

- Công tác tư vấn, phản biện, giám định xã hội đã được các hội chủ động tham gia góp ý với cơ quan nhà nước trong việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển, các công trình lớn cấp quốc gia, những ý kiến của hội được cơ quan nhà nước tiếp thu chỉnh sửa văn bản cho phù hợp.

- Chủ động đề xuất nhiều sáng kiến và tham gia cùng cơ quan nhà nước phòng chống tham nhũng như Tổng hội Xây dựng hàng năm công bố các công trình xây dựng không đạt yêu cầu.

- Chủ động đề xuất hoặc tham gia cùng Nhà nước xây dựng các phong trào lớn: rèn luyện sức khỏe, thể thao, xây dựng xã hội học tập, phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

a. Đánh giá về nội dung Nghị định số 88/2003/NĐ-CP

Từ khi đưa Nghị định 88/2003/NĐ-CP vào thực hiện, chúng ta đã đạt được một số kết quả trên cả 3 mặt về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Có thể nói rằng Nghị định 88/2003/NĐ-CP đã có tác động sâu sắc tới quá trình hình thành, phát triển hội ở Việt Nam.

b. Một số nội dung cơ bản của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg

Chính phủ ban hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Nghị định này thay thế Nghị định 88 từ ngày 1 tháng 7 năm 2010. Nhìn chung, các quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội được ban hành lần này không có nhiều thay đổi so với trước đây nhưng có một số nội dung về điều kiện thành lập hội như số lượng thành viên ban vận động thành lập hội; số hội viên đăng ký ban đầu để thành lập hội được quy định cụ thể trong Nghị định thay vì giao Bộ Nội vụ có thông tư hướng dẫn như trước đây.

Chương 2
NHU CẦU VÀ KIẾN NGHỊ VỀ VIỆC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI DÂN SỰ TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

3.2. Nhu cầu về xã hội dân sự trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay

Hiện nay ở xã hội Việt Nam có sự tham gia rất phong phú và đa dạng của các tổ chức. Một số nơi đang phục hồi những truyền thống lâu đời để phát triển truyền thống văn hóa, giá trị tốt đẹp của người Việt Nam.

Cùng với quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, để nâng cao hiệu quả và hiệu lực của bộ máy nhà nước, xã hội dân sự sẽ đóng vai trò cùng nhà nước giải quyết những vấn đề chung của xã hội, tham gia vào hoạch định và thực hiện các chính sách phát triển đất nước, giám sát việc thực hiện và thực hiện phản biện xã hội.

- Các tổ chức xã hội dân sự đã có nhiều nỗ lực và thực hiện nhiều hoạt động trên các lĩnh vực như: tham gia có hiệu quả vào việc xây dựng và thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, hỗ trợ những người nghèo và người bất hạnh trong nhiều mặt.

- Có sự phối hợp và hợp tác tích cực giữa xã hội dân sự và nhà nước, đặc biệt là đối với các tổ chức quần chúng và các Hiệp hội nghề nghiệp nằm trong Mặt trận Tổ quốc.

Tuy nhiên vẫn còn những điểm mà theo đó xã hội dân sự chưa phát huy được ý nghĩa và vai trò của mình như sau:

(i) Môi trường pháp lý đối với các tổ chức xã hội dân sự vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện dần;

(ii) Nhà nước vẫn còn đóng vai trò chủ đạo trong việc lập những quyết sách và các tổ chức xã hội dân sự chỉ tác động vào quá trình đó thông qua hợp tác. Điều đó cho thấy, Xã hội dân sự ở Việt Nam vẫn còn những ràng buộc với Nhà nước;

(iii) Vẫn còn một số cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức cũng như người dân chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng và tác dụng của khu vực xã hội dân sự trong đời sống xã hội; có biểu hiện xem nhẹ vai trò, tác dụng của các đoàn thể nhân dân, các hội;

(iv) Chính các tổ chức xã hội dân sự cũng chưa phát huy đầy đủ chức năng đại diện cho lợi ích của quần chúng nhân dân và hội viên của mình. Một số tổ chức đoàn thể nhân dân, hội còn mang tính hình thức, hoạt động kém hiệu quả, chưa đáp ứng được nguyện vọng và lợi ích của đoàn viên, hội viên, hoặc có biểu hiện trông chờ vào sự tài trợ của nhà nước; "hành chính hoá" về mặt tổ chức và hoạt động. Do đó, khả năng thu hút quần chúng của các tổ chức này còn hạn chế; việc tham gia cung cấp dịch vụ công chưa được triển khai đúng với tôn chỉ và mục đích, thậm chí có trường hợp chạy theo lợi nhuận kinh tế đơn thuần: và

(v) Nguồn nhân lực của các tổ chức xã hội vẫn còn hạn chế.

Trong khi đó, chúng ta nhận thức rõ ràng rằng cơ sở cho việc phát triển xã hội dân sự ở nước ta cần phải có những yếu tố sau:

(i)Cần nhận thức đúng về vai trò, vị trí của của các đoàn thể nhân dân, các hội, tổ chức phi chính phủ trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa;

(ii) Nâng cao vai trò của các hội, tổ chức phi chính phủ trên các mặt: tham gia quản lý nhà nước, tư vấn, phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách của Nhà nước, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức; tư vấn, phản biện đối với các lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp; khai thác các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ lợi ích của các thành viên, hội viên; cung ứng một số dịch vụ công trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá, vệ sinh môi trường; góp phần thực hiện xoá đói, giảm nghèo, khắc phục hậu quả thiên tai; mở rộng các hoạt động đối ngoại nhân dân;

(iii) Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý cho hoạt động của khu vực xã hội dân sự.

(iv) Đẩy mạnh xã hội hoá dịch vụ công, xác định rõ những loại việc Nhà nước cần phải làm và chuyển giao cho khu vực xã hội dân sự những loại việc mà Nhà nước không nhất thiết phải đảm nhiệm. Đồng thời, hỗ trợ các nguồn lực và tạo điều kiện cho các đoàn thể nhân dân, các hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện tốt nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ công cần thiết cho xã hội;

(v) Các tổ chức xã hội dân sự phải tìm được phương thức hợp tác, các cơ quan bảo trợ và sự hỗ trợ mạng lưới tốt hơn thì mới có thể tăng thêm sức mạnh. Các tổ chức xã hội dân sự cũng phải tự thân nỗ lực và đảm bảo sự rõ ràng minh bạch của mình thì mới chiếm được lòng tin của người dân mà các tổ chức này đại diện. Hơn nữa, họ cũng phải nâng cao tính chuyên nghiệp và phát triển kỹ năng để có thể vượt qua những khó khăn và nhận được sự ủng hộ từ cả khu vực công và tư nhân.

Qua những phân tích ở trên, chúng ta nhận thấy rằng nhà nước pháp quyền là một điều kiện thuận lợi nhất để phát triển xã hội dân sự, và đối với một nhà nước pháp quyền thì xã hội dân sự đó phải có và đảm bảo đủ các điều kiện để cùng hợp tác với nhà nước và nền kinh tế tạo nên 3 trụ cột vững chắc cho một xã hội. Nhà nước, nền kinh tế và xã hội dân sự, trong ba trụ cột đó không thể tồn tại một trụ cột kém phát triển hơn hai trụ cột còn lại mà bắt buộc cả ba trụ cột đó phát cùng một trình độ phát triển tương tác, phù hợp với nhau. Bởi vậy, chúng ta đang xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thì chúng ta cũng đang có một nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, điều đó khẳng định rằng chúng ta đang có một xã hội dân sự tương tác với nền kinh tế và nhà nước hiện nay.

3.2. Kiến nghị và đề xuất điều chỉnh khung pháp lý về xã hội dân sự trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam

Qua phân tích ở trên và thực tiễn ở các nước trên thế giới có thể rút ra kết luận: quá trình dân chủ hóa đều gắn liền với sự hình thành và phát triển của xã hội dân sự lành mạnh, và theo chúng tôi, đó là bản chất của dân chủ. Dân chủ, trước hết quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, và quá trình dân chủ hóa về bản chất là quá trình quyền lực chuyển dần từ nhà nước sang tay nhân dân.

Một xã hội dân sự tồn tại không những không loại trừ sự tồn tại của nhà nước mà ngược lại, sự có mặt của một nhà nước (nhà nước pháp quyền như đã phân tích ở trên) là rất cần thiết để điều hành, bảo đảm cho xã hội dân sự tồn tại và phát triển. Xã hội dân sự văn minh rất cần một nhà nước ổn định, vững chắc.

KẾT LUẬN

Từ những phân tích nhu cầu về điều kiện xây dựng và phát triển xã hội dân sự trong điều kiện nhà nước pháp quyền, theo chúng tôi, trước hết chúng ta cần thống nhất định hướng về tư tưởng chỉ đạo là phải đặt ra mục tiêu xây dựng xã hội dân sự ở nước ta (cũng giống như trước 2001- Đảng ta đã đặt ra mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền) và đừng coi xã hội dân sự là đối lập với Nhà nước.

Để có những cơ sở, nền tảng cho việc định hình, phát triển của một xã hội dân sự lành mạnh ở nước ta, theo chúng tôi, cần xem xét, nghiên cứu, cân nhắc những vấn đề sau đây:

Thứ nhất, cần nhanh chóng ban hành Luật về quyền thành lập các hiệp hội. Luật về quyền thành lập các hiệp hội sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc định hình xã hội dân sự. Cùng với ngôn luận, quyền tự do báo chí, quyền hội họp, quyền biểu tình, thì quyền lập hội là những quyền cơ bản của con người, không những trong các văn kiện quốc tế, mà trong các bản Hiến pháp nước ta đều trịnh trọng qui định. Những quyền này, suy cho cùng là để đảm bảo vai trò của mỗi cá nhân trong xã hội. Mỗi cá nhân đều có quyền thể hiện những điều mà mình nghĩ, có quyền liên kết tự do và độc lập giữa người dân với nhau quanh từng vấn đề xã hội, tôn giáo, chính trị, văn hóa. Tuy nhiên, mỗi cá nhân, nếu chỉ là những cá nhân đơn độc, bị xé lẻ, bị cô lập thì sự ảnh hưởng, tác động của họ đối với Nhà nước khó có thể có hiệu quả và họ cũng không thể tự làm chủ xã hội, nếu chỉ bằng sự nỗ lực "đơn lẻ" của từng cá nhân. Thông qua quyền lập hội, các tổ chức xã hội được thành lập và đó là tiếng nói của những người dân được tập hợp lại với nhau để tạo thành một sức mạnh, cùng Nhà nước thực hiện những mục tiêu của hệ thống chính trị, để kiểm soát Nhà nước, để bảo vệ mình, để chống lại những tiêu cực trong xã hội như tham nhũng, nhũng nhiễu, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; để tự mình giải quyết những công việc mà không cần thông qua nhà nước…

Thứ hai, cần phải tôn trọng tính "xã hội" của các tổ chức này. Hiện nay, chúng ta đã có dự thảo Luật về hội, tuy nhiên, theo chúng tôi tên gọi Luật về hội vẫn chưa nêu bật lên được tính xã hội của của các hội và với tên gọi như vậy thì Luật này vẫn hàm chứa việc nhà nước sẽ quản lý và điều phối hoạt động của hội. Do đó, Luật này nên giữ tên gọi theo Luật 102/SL, của Chủ tịch nước ngày 20/5/1957 đó là Luật về quyền thành lập các hiệp hội, để làm sao nêu bật lên được quyền và sự tự chủ của người dân khi tham gia vào việc lập, quản lý hoạt động của hội. Tương tự như vậy, nội dung của nó phải theo hướng tạo điều kiện, thúc đẩy quyền được lập hội của công dân, và tạo điều kiện cho các hoạt động của hội được độc lập, tự chủ và không nên thiết lập các quy định mang tính hành chính nhà nước cho các hoạt động thành lập, tổ chức và hoạt động của các tổ chức dân sự.

Thứ ba, theo chúng tôi, cũng nên cân nhắc sửa đổi, bổ sung nội dung Luật báo chí để ngoài các quy định về thủ tục, các quyền và cách thức thực hiện quyền tự do báo chí của người dân cần được quy định rõ và đầy đủ. Mặt khác, về lâu dài, Nhà nước không trực tiếp quản lý báo chí (và các phương tiện truyền thông khác), nó là "của" xã hội dân sự. Bởi vậy, tên gọi của Luật báo chí cũng nên xem xét để làm sao nêu bật lên được quyền độc lập và tự chủ của người dân trong việc tự do báo chí, tự do ngôn luận. Tất nhiên, chúng ta hiểu rằng, quyền tự do của cá nhân, tổ chức này có thể đôi lúc ảnh hưởng đến quyền tự do của cá nhân, tổ chức khác. Do vậy, bản thân từ tự do ở đây cũng cần phải hiểu là tự do trong một khuôn khổ nhất định. Chứ không nên hiểu là tự do thì muốn làm gì thì làm và không quan tâm hay không chịu trách nhiệm đối với những ảnh hưởng (tiêu cực) đến cá nhân, tổ chức khác.

Thứ tư, để xã hội dân sự thực sự được tạo điều kiện và có điều kiện để hoạt động và phát huy những phẩm chất và ý nghĩa tốt đẹp của nó, thiết nghĩ cũng rất cần Luật về quyền tự do ngôn luận, Luật về quyền hội họp và Luật Biểu tình.

Vấn đề Dự thảo Luật biểu tình đang được Quốc Hội Việt Nam bàn bạc và chúng tôi rất hy vọng là Dự luật này sẽ được hoàn thiện và thông qua trong thời gian tới. Chúng ta đã nói nhiều đến phản biện xã hội, nói nhiều đến vai trò của phản biện xã hội trong việc phát huy dân chủ. Có lẽ đây là điều không cần bàn cãi. Phản biện xã hội có nhiều hình thức và mức độ thể hiện khác nhau. Biểu tình là một trong những hình thức thể hiện đó và đây là hình thức thể hiện "sự phản kháng" xã hội có thể nói là cao nhất của một "bộ phận" nhân dân (như những người cùng nghề nghiệp, cùng lứa tuổi, cùng giới tính…). Điều đó nói lên rằng họ phản đối đối với một quyết định, một chính sách… của Nhà nước và yêu cầu Nhà nước xem xét lại vấn đề đó. Đó rõ ràng là một quyền hết sức cơ bản, hết sức chính đáng của người dân và các đại biểu Quốc hội và Quốc hội cần thể hiện sự quan tâm và quyết tâm đối với Dự luật này. GS.TS. Nguyễn Đăng Dung khi trả lời phỏng vấn bởi một tờ báo quốc tế cho rằng: khi bàn bạc và thông qua dự luật này thì trách nhiệm của người đại biểu Quốc hội là phải tìm ra và đảm bảo quyền lợi của nhân dân trong dự thảo luật biểu tình này. Bởi hơn ai hết, đại biểu Quốc hội chính là người đại diện cho nhân dân, và GS. TS. Nguyễn Đăng Dung cho rằng nếu dự luật này được lập không hợp lý, hay thậm chí "sai hoàn toàn" ở một khóa hay nhiệm kỳ Quốc hội, thì sau đó đều có phương án thay hoàn toàn, hoặc sửa chữa.

Như vậy, tôi cho rằng, Luật Biểu tình là yêu cầu cấp bách, và hy vọng Quốc hội sớm thông qua Luật Biểu tình để đảm bảo cho người dân quyền phản biện xã hội.

Thứ năm, một việc làm không kém phần quan trọng là phải ban hành Luật về quyền được thông tin của người dân. Để công dân đúng là người làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội; để các tổ chức xã hội phản biện về chủ trương, chính sách, đề án; để chức năng "giám sát xã hội" đối với Đảng, Nhà nước có hiệu quả; nếu chúng ta thực tâm muốn chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền… thì không thể không thực hiện việc thông tin cho xã hội, cho công dân. Đó phải là trách nhiệm của Nhà nước, các cơ quan nhà nước. Nếu không như vậy, mục tiêu dân chủ là không khả thi, hoặc là chế độ dân chủ chưa phải là thực chất, chưa đúng với nghĩa của nó.

Tiếp theo đó, một vấn đề chúng ta cần nhìn nhận một cách thẳng thắn trong xu thế dân chủ hóa hiện nay, đó là việc cần xác định lại giữa Nhà nước và xã hội như trên đã nói theo phương châm: những gì mà xã hội làm được, hoặc làm tốt hơn Nhà nước, thì nên để cho xã hội làm. Thực ra, đây không phải là vấn đề mới mẻ, mà là cái chúng ta đang và đã làm, thường diễn tả bằng cụm từ "xã hội hóa". Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng chúng ta cần nhìn nhận vấn đề này một cách toàn diện hơn, sâu sắc hơn, chứ không nên mang tính "nhỏ lẻ","manh mún" như hiện nay. Chẳng hạn như nhiều hoạt

động hành chính, dịch vụ và kể cả về một vấn đề rất lớn hiện nay là chính quyền địa phương: Xu hướng chung của các nhà nước dân chủ trên thế giới hiện nay là tổ chức chính quyền địa phương theo nguyên tắc tự quản. Liên minh Châu Âu năm 1995 đã thông qua công ước về tự quản địa phương…Vì vậy, chúng ta cần nghiên cứu tiếp thu những kinh nghiệm hay của tổ chức tự quản địa phương, những điều kiện và khả năng có thể áp dụng được ở nước ta để hướng tới đổi mới một cách toàn diện tổ chức chính quyền địa phương trong giai đoạn mới.

Cũng cần phải nói thêm rằng, hiện nay có địa phương đã hình thành một số trung tâm dịch vụ công nhưng do có những quan niệm không thống nhất về dịch vụ công, nên người ta đã biến những việc mà nhà nước phải làm thành những hoạt động có tính chất kiếm lời cho một bộ phận công chức nhà nước, có nghĩa là không phân biệt được hoạt động gắn với quyền lực nhà nước, không phân biệt được đâu là dịch vụ hành chính công đâu là dịch vụ trên cơ sở các hợp đồng dịch vụ. Qua khảo sát trên địa bàn Hà Nội, hiện này đã có 4 nơi hình thanh tổ chức dịch vụ công với những tên gọi khác nhau như những phòng công chứng, trung tâm thuộc Sở địa chính – xây dựng, trung tâm thuộc Huyện Từ Liêm, và Trung tâm dịch vụ công Tây Hồ. Tuy nhiên, qua nghiên cứu kỹ lưỡng hoạt động của các mô hình này thì chúng tôi thấy rằng công chức ở đây vẫn lẫn lộn hoặc chưa phân biệt được khi nào mình nhân danh công quyền khi nào mình thực hiện dịch vụ theo hợp đồng, cho nên thái độ và cách xử lý vẫn chưa đúng theo bản chất của dịch vụ công bởi vì họ vừa nhân danh công quyền để xử lý công việc đồng thời vừa là người cung cấp dịch vụ cho người dân. Điều này ảnh hưởng đến hoạt động công vụ và cũng ảnh hưởng đến mục đích của dịch vụ công.

Ngoài ra, chúng tôi cũng cho rằng nên hướng dẫn, vận động quần chúng, nhân dân các dân tộc thiểu số tham gia nhiều hơn nữa vào công tác xã hội để một mặt vừa phát huy những giá trị, những truyền thống, văn hóa của các dân tộc thiểu số và cũng tăng lên tinh thần đoàn kết các dân tộc.

Cuối cùng, chúng tôi suy nghĩ rằng xã hội không phải lúc nào cũng là một khối thuần nhất, mà là một tập hợp của nhiều bộ phận, nhiều cá thể riêng biệt. Albert Einstein đã từng nói "Chúng ta không thể giải quyết vấn đề với cùng một cách suy nghĩ khi chúng ta đã tạo ra nó".